

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI VĨNH BẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 73./QĐ-TLV

Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

**CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI VĨNH BẢO**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã được UBND thành phố phê duyệt bằng Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 08/10/2018;

Căn cứ cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt ngày 12/7/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc thực hiện công bố thông tin và xây dựng quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của ông trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Công bố thông tin của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo. Gồm 5 Chương và 15 Điều.

(Có Quy chế kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các quyết định công bố thông tin đã ban hành.

Điều 3. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, trưởng các phòng, ban, cụm, đội và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCH Đảng ủy;
- Lưu: VT, TCHC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Minh Tân

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 7 năm 2021

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72../QĐ-TLV ngày 21 tháng 7 năm 2021
của Chủ tịch Công ty Thủy lợi Vĩnh Bảo)

**CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục, trách nhiệm công bố thông tin của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên, kế toán trưởng, các phòng, ban và đơn vị trực thuộc Công ty.

Điều 3: Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. “Quy chế” là quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo.

3.2. “Điều lệ” là điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo.

3.3. “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, phòng ban, cụm, đội nằm trong cơ cấu của Công ty.

Điều 4. Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO.

2. Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VINH BAO EXPLOITING IRRIGATION ONE MEMBER LIMITED COMPANY.

3. Tên Công ty viết tắt bằng tiếng Việt: Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo.

4. Trụ sở chính: Số 12/256 khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo - huyện Vĩnh Bảo - TP. Hải Phòng.

- Điện thoại: 0225.3884.257

- Email : Thuyloivinhbaohp@gmail.com



Điều 5. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Hình thức pháp lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

2. Tư cách pháp nhân:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản Việt Nam đồng và tiền ngoại tệ tại ngân hàng, kho bạc theo quy định của pháp luật, có Bảng cân đối kế toán riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và được lập các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và của Chủ sở hữu.
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 6. Yêu cầu thực hiện về công bố thông tin

6.1. Việc công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Công ty, đảm bảo tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với Công ty.

6.2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Chủ tịch trực tiếp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin khi được công bố.

6.3. Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là PDF, Word, Exel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại Phụ lục II, Nghị định

47/2021/NĐ-CP. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

6.4. Báo cáo công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

6.5. Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin điện tử Công ty tối thiểu 05 năm. Công ty công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hình thức và phương tiện công bố thông tin.

1. Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử của Công ty.

b) Cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Cổng thông tin Công ty.

3. Trường hợp thời điểm thực hiện công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác do cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định.

Điều 8. Tài khoản công bố thông tin của doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thiết lập và hướng dẫn Công ty đăng ký tài khoản công bố thông tin. Công ty sử dụng tài khoản công bố thông tin để cập nhật thông tin cơ bản của Công ty và đăng tải báo cáo trên Cổng thông tin Công ty.

2. Tài khoản công bố thông tin của Công ty trên Cổng thông tin Công ty bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về người đại diện theo pháp luật: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

b) Thông tin cơ bản về Công ty: Tên Công ty; mã số kinh doanh Công ty, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử; cơ



quan đại diện chủ sở hữu; tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty.

3. Công ty phải đổi mật khẩu trong vòng 01 đến 03 ngày làm việc kể từ ngày được cung cấp tài khoản và có trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu; thông báo kịp thời cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nếu tài khoản, mật khẩu bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản.

Điều 9. Các thông tin công bố định kỳ.

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải định kỳ công bố các thông tin sau đây:

- a) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo nội dung quy định tại Biểu số 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện;
- c) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;
- d) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đầu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác theo nội dung quy định tại Biểu số 4 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;
- đ) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;
- e) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;
- g) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty theo quy định pháp

luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

h) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 10. Các thông tin công bố bất thường.

Doanh nghiệp phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty; Công thông tin doanh nghiệp và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Thực hiện công bố thông tin.

1. Doanh nghiệp thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Công thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn; đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan các thông tin phải công bố định kỳ của doanh nghiệp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp. Cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, đánh giá, quyết định việc hạn chế công bố thông tin các nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.

CHƯƠNG III

TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 12. Tạm hoãn công bố thông tin.

1. Doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc cần sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối những nội dung cần hạn chế công bố thông tin.



2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc tạm hoãn công bố thông tin và thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Doanh nghiệp phải công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

CHƯƠNG IV

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Điều 13. Phân công nhiệm vụ các phòng chuyên môn

1. Công ty công bố thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Các phòng ban trực thuộc Công ty.

a) Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

- Báo cáo mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo nội dung quy định tại Biểu số 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện;

- Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

- Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đầu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác theo nội dung quy định tại Biểu số 4 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

b) Phòng Tài chính – Kế toán

- Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

- Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

c) Phòng Tổ chức – Hành chính

- Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

- Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

Phòng chủ trì và phối hợp với các phòng chuyên môn Công ty tiếp nhận báo cáo thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin của Công ty và gửi báo cáo đến các cơ quan cấp trên có liên quan.

Các phòng ban chuyên môn được phân công nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác các thông tin khi được công bố.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm.

1. Công ty công bố quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố trước khi thực hiện.

2. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, trưởng các phòng, ban, cụm, đội và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế về công bố thông tin thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



Điều 15. Hiệu lực thi hành.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và được kèm theo Quyết định số Quyết định số: /QĐ-TLV ngày tháng năm 2021.

Trong quá trình thực hiện quy chế này nếu có vướng mắc các thành viên trong Công ty có trách nhiệm báo cáo, đề xuất để lãnh đạo Công ty xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hải Phòng;
- Sở KH&ĐT thành phố Hải Phòng;
- BCH Đảng ủy Công ty;
- BTV Công đoàn Công ty; (phối hợp)
- Các phòng, ban liên quan; (thực hiện)
- Lưu Công ty.

(để báo cáo)

CHỦ TỊCH CÔNG TY**Lê Minh Tân**